

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-PT
Ngày: 05-6-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Tuấn Vũ;

Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 29/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 148/2022/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ 5, ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt

- *Bị đơn:*

+ Ông Lê Văn N4, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp TB, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 17 đường NVR, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (Hợp đồng ủy quyền ngày 19-11-2021); ông H có mặt.

+ Ông Lê Văn B, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp TB, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị N1, sinh năm 1950; nơi cư trú: Tổ 13, ấp TT, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Ông Lê Văn C, sinh năm 1953; nơi cư trú: Ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Bà Lê Kim T, sinh năm 1954; chị Lê Hoàng T1, sinh năm: 1978; chị Lê Thị Ngọc T2, sinh năm: 1980; anh Lê Hoàng P, sinh năm: 1984; chị Lê Thị Ngọc T3, sinh năm: 1987; cùng cư trú tại: Số E 69/5 khu phố 1, phường LH, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà T có mặt; chị T1, chị T2, anh P, chị T3 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bà Lê Thị T4, sinh năm 1961; nơi cư trú: Ấp TB, xã TL, CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 10 ấp TT1, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Tổ 10 ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Chị Lê Thị Ngọc Q, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Tổ 10 ấp TT1, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Chị Lê Ngọc N2, sinh ngày 08/02/2006; nơi cư trú: Tổ 10 ấp TT1, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bà Lê Thị N3, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Ấp TB, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt có ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngà: Ông Lê Văn V, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ 5, ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; (Hợp đồng ủy quyền ngày 28-10-2021), ông V có mặt

Người kháng cáo: Ông Lê Văn N4 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn V trình bày:

Cha mẹ ông cụ Lê Văn S (chết năm 1992) và cụ Đặng Thị P1 (chết ngày 14/8/2019). Cụ S, cụ P1 có 10 người con chung gồm: Bà Lê Thị N1; ông Lê Văn C; ông Lê Hoàng S1 (chết năm 2020), có vợ và 04 người con: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3; bà Lê

Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; ông Lê Văn N4; ông Lê Văn N5 (chết năm 2009), có 03 người con tên: Chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, cháu Lê Ngọc N2; bà Lê Thị N3; ông Lê Văn T6 (chết năm 1976, không có vợ con). Cha, mẹ ông không có con nuôi, con riêng.

Khi cha, mẹ ông còn sống đã chia tài sản cho tất cả các con, còn lại phần đất có diện tích 19.752 m² cụ P1 đứng tên để sinh sống. Năm 2019, cụ P1 chết không để lại di chúc. Ông N4 ở cùng nhà với cụ P1 và canh tác phần đất này, sau khi cụ P1 chết, anh chị em trong gia đình có bàn bạc việc phân chia di sản nhưng ông N4 không đồng ý, do không thỏa thuận được nên ông V khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ P1 theo quy định của pháp luật, di sản cụ P1 để lại gồm:

+ Diện tích đất 19.752 m², gồm các thửa đất 410, 411, 429, 459, 460, 465, 466, 469, 470, 471, 472, 473, 475, 585, 587, 588, 589, 590, 591, 592, 593 tờ bản đồ số 78, đất tọa lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh do cụ Đặng Thị P1 đứng tên, (trừ diện tích đã bị thu hồi có nhận bồi thường) còn lại diện tích đo thực tế 18468.0 m²; theo kết quả định giá là 3.139.560.000 đồng. Yêu cầu chia 10 phần bằng nhau, giao ông N4 hưởng 02 suất thừa kế tương đương diện tích 3.693,6 m², tự nguyện ưu tiên cho ông N4 nhận đất theo sơ đồ hiện trạng, còn lại 08 phần mỗi người con hưởng 01 phần thừa kế và nhận bằng hiện vật, phần còn lại ông yêu cầu chia chung cho các đồng thừa kế. Vì thửa đất bao gồm đoạn có lối đi lên kênh, đoạn không có lối đi, ông và những đồng thừa kế sẽ tự thỏa thuận với nhau.

+ Số tiền ông N4 đại diện gia đình nhận đền bù đất của cụ P1 do nhà nước thu hồi để làm kênh tiêu 1.778.468.100 đồng (làm tròn số 1.778.468.000 đồng), yêu cầu chia đều 09 phần bằng nhau.

Bị đơn ông Lê Văn N4 và người đại diện theo ủy quyền của ông N4 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, cụ P1 chết không để lại di chúc.

Về di sản, của cụ P1 để lại diện tích đất 19.752 m², đất tọa lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; trừ diện tích đã bị thu hồi, còn lại diện tích đo đạc thực tế 18468 m². Khi cụ P1 còn sống ý chí các anh chị em trong gia đình đã đồng ý ký tên tặng cho ông N4 nhưng chưa được công chứng, chứng thực theo quy định vì giấy đất đã cũ, địa chính xã yêu cầu đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới làm thủ tục tặng cho được nhưng chưa làm kịp thì cụ P1 chết. Ông N4 là người ở cùng nhà với cụ P1, chăm sóc, phụng dưỡng cho cụ nên di sản cụ để lại thì ông N4 được hưởng.

Năm 2020, các anh chị em trong gia đình đã đồng lòng ủy quyền cho ông

nhận tiền đền bù đất bị thu hồi, số tiền ông N4 nhận và đang quản lý từ việc thu hồi đất là 1.778.468.100 đồng, nhưng ông N4 là người sử dụng đất nên ông được hỗ trợ tiền tài sản trên đất và tiền hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề là 310.105.900 đồng, ông V yêu cầu chia hết 1.778.468.100 đồng là không đúng, số tiền nhận đền bù là 1.468.000.200 đồng. Nay ông N4 không đồng ý yêu cầu chia di sản của cụ P1 của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn ông Lê Văn B trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của ông V là đúng. Ông đồng ý hàng thừa kế và các di sản của cụ P1 như ông V trình bày là đầy đủ, ông yêu cầu Tòa án xem xét chia thừa kế theo quy định của pháp luật, ông đồng ý yêu cầu Tòa xem xét cho ông N4 hưởng 02 suất thừa kế đối với phần đất, vì ông N4 ở cùng cụ P1, ít nhiều cũng có công phụng dưỡng, chăm sóc. Trường hợp ông được chia thừa kế, ông đồng ý chia phần đất gộp chung của ông và những đồng thừa kế khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N1, ông Lê Văn C, bà Lê Thị N3, bà Lê Thị T4 trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn ông V về quan hệ nhân thân, di sản của cụ P1. Trường hợp Tòa xem xét các ông, bà được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật thì đồng ý chia phần đất gộp chung với những đồng thừa kế khác, trừ ông N4. Ngoài ra, không bổ sung gì thêm.

- Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3 trình bày: Bà T là vợ của ông Lê Hoàng S1 (chết ngày 05/8/2020, sau cụ P1), bà T và ông S1 có 04 người con chung gồm anh T1, chị T2, anh P, chị T3; cụ P1 mẹ ruột ông S1 chết nên bà và các con được hưởng suất thừa kế của ông S1, thống nhất như lời trình bày của ông V, không bổ sung gì thêm.

- Theo bản tự khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị T7, chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q và em Lê Ngọc N2 (do bà Nguyễn Thị T7 đại diện) thống nhất trình bày: Ông Lê Văn N5, sinh năm 1971, chết ngày 20/10/2009, trước cụ P1, bà T7 là vợ của ông N5, ông bà sinh được 03 người con chung gồm chị L, chị Q và em N2, nay cụ P1 chết không để lại di chúc, ông N5 cũng được hưởng thừa kế của cụ P1, do ông N5 đã chết nên các con được hưởng thừa kế, thống nhất như ý kiến của nguyên đơn ông V.

- Quá trình tố tụng phía bị đơn do ông H đại diện cho ông N4 cung cấp chứng cứ bản chính Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không có ngày, tháng, năm và cho rằng nguyên đơn, cụ P1 và các anh chị em trong gia đình đã ký tặng cho ông N4 phần đất tranh chấp nêu trên nhưng phía nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận và yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ và tên trong hợp đồng này.

Theo kết luận giám định số: 4954/KL-KTHS ngày 23/9/2022 của Phân viện Khoa học hình sự của Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“Chữ viết họ tên Lê Thị N1, Lê Văn C, Lê Thị T4, Lê Văn V, Lê Văn B, Lê Thị N3 dưới nội dung chữ viết “*Các con*” trên tài liệu cần giám định không phải do cùng một người viết ra.

Chữ ký đứng tên Lê Thị N1 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Lê Thị N1 trên các tài liệu so sánh do cùng một người ký ra.

Chữ ký đứng tên Lê Văn C trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Lê Văn C (Lê Văn C) trên các tài liệu so sánh do cùng một người ký ra.

Chữ ký đứng tên Lê Thị T4 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Lê Thị T4 trên các tài liệu so sánh do cùng một người ký ra.

Chữ ký đứng tên Lê Văn B trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Lê Văn B trên các tài liệu so sánh do cùng một người ký ra.

Chữ ký đứng tên Lê Thị N3 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Lê Thị N3 trên các tài liệu so sánh do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lê Văn S2, Lê Văn V dưới nội dung chữ viết “*Các con*” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Lê Văn S2, Lê Văn V tương ứng trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M7 là có phải do cùng một người ký ra hay không”.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 148/2022/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

1. Di sản của cụ Đặng Thị P1 được phân chia như sau:

1.1. Chia cho ông Lê Văn N4 được hưởng phần đất có diện tích 3693,6 m² gồm các thửa 411, 429, 465, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

Hướng Đông giáp kênh Tây sông Vàm Cỏ Đông dài 118.70 m;

Hướng Tây tiếp giáp thửa 18,47 dài 115.99 m;

Hướng Nam giáp đất chia cho ông V và các đồng thừa kế dài 38.74 m;

Hướng Bắc giáp đất ông Lê Văn C, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị N3 dài 24.88 m (kèm theo sơ đồ đất).

Và ông Lê Văn N4 được hưởng số tiền là 163.151.000 đồng.

1.2. Chia cho bà Lê Thị N1; bà Lê Thị N3; ông Lê Văn C; bà Lê Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; các con của ông Lê Văn N5 (chết năm 2009), gồm: chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (dưới 18 tuổi do mẹ ruột bà Nguyễn Thị T5 đại diện); vợ và các con của ông Lê Hoàng S1 gồm: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3 cùng hưởng phần đất có diện tích 14774.4m², gồm các thửa 410, 459, 466, 469, 470,

471, 472, 473, 475, 585, 586, 588, 589, 590, 591, 592, 593, tờ bản đồ số 7, toạ lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

Hướng Đông giáp kênh Tây sông Vàm Cỏ Đông và thửa 81, có các độ dài 36.57m; 3.47m; 14.64m; 44.03m; 23.41m; 24.48m; 7.41m; 5.19m; 21.56m;

Hướng Tây tiếp giáp thửa 34,47,112, có độ dài các đoạn 17.00m; 45.23m; 11.34m; 60.39m; 49.88m; 26.08m; 43.76m;

Hướng Nam tiếp giáp thửa 48,47 có độ dài các đoạn 110.71m; 47.67m;

Hướng Bắc giáp đất ông Lê Văn N4 dài 38.74m (kèm theo sơ đồ đất).

1.3. Buộc ông Lê Văn N4 có nghĩa vụ giao cho bà Lê Thị N1; bà Lê Thị N3; ông Lê Văn C; bà Lê Thị T4; Lê Văn V; Lê Văn B mỗi người số tiền 163.151.000 (Một trăm sáu mươi ba triệu một trăm năm mươi một nghìn) đồng;

1.4. Buộc ông Lê Văn N4 có nghĩa vụ giao cho các con của ông Lê Văn N5 (chết năm 2009), gồm: chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (dưới 18 tuổi do mẹ ruột bà Nguyễn Thị T5 đại diện) số tiền 163.151.000 (Một trăm sáu mươi ba triệu một trăm năm mươi một nghìn) đồng;

1.5. Buộc ông Lê Văn N4 có nghĩa vụ giao cho vợ và các con của ông Lê Hoàng S1 (chết năm 2020) gồm: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3 số tiền 163.151.000 (Một trăm sáu mươi ba triệu một trăm năm mươi một nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/12/2022, ông Lê Văn N4 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Văn N4 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Trần Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày bổ sung: Theo giấy CNQSDĐ do cụ P1 đứng tên, diện tích là 19.752m², vào năm 2011 cụ P1 và tất cả các anh, chị em đã tách QSDĐ chia cho ông C, bà N1, bà N3 tổng diện tích 1.800m²; còn lại 17.952m² thì cụ P1 cùng các anh chị em cũng đã lập hợp đồng tặng cho ông N4 (có kết luận giám định) nhưng do có Dự án tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông thu hồi một phần diện tích đất là 3.069m² nên ông N4 đã nộp toàn bộ hồ sơ cho Văn phòng đăng ký đất đai và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện CT; hồ sơ và Giấy CNQSDĐ của cụ P1 hiện nay vẫn còn để ở Trung tâm Phát triển quỹ đất.

Diện tích đất còn lại sau khi thu hồi là 14.883m²; qua đo đạc thực tế đất tranh chấp có diện tích 18.468m² là có phần diện tích đất ông N4 khai phá thêm cho thành thuộc. Do vậy, đề nghị công nhận cho ông N4 phần diện tích tăng thêm này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, như sau:

- Các phần đất trước đây là tài sản của cụ S, cụ P1 đã chia cho các con đang quản lý, sử dụng; các bên thống nhất của ai được chia người đó sử dụng, không tranh chấp thừa kế tài sản.

- Chia di sản thừa kế của cụ P1 đối với phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 18.468m², thuộc các thửa 410, 411, 429, 459, 460, 465, 466, 469, 470, 471, 472, 473, 475, 584, 585, 586, 588, 589, 590, 591, 592, 593, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299), tọa lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh, cho các đồng thừa kế của cụ P1, bao gồm: Bà Lê Thị N1; ông Lê Văn C; ông Lê Hoàng S1, chết năm 2020 (có vợ và 04 người con: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3); bà Lê Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; ông Lê Văn N4; ông Lê Văn N5, chết năm 2009 (có vợ là Nguyễn Thị T5 và 03 người con là: Lê Thị Ngọc L, Lê Thị Ngọc Q, Lê Ngọc N2) và bà Lê Thị N3. Cụ thể như sau:

+ Chia cho ông Lê Văn N4 phần đất có diện tích 3.693,6m² thuộc các thửa 411, 429, 460, 465 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

+ Chia phần đất có diện tích 14.774,4m², gồm các thửa 410, 459, 466, 469, 470, 471, 472, 473, 475, 584, 585, 586, 588, 589, 590, 591, 592, 593, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh thành 09 phần bằng nhau cho bà Lê Thị N1; bà Lê Thị N3; ông Lê Văn C; bà Lê Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; ông Lê Văn N4; các con của ông Lê Văn N5 (chết năm 2009), gồm: chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (dưới 18 tuổi do mẹ ruột bà Nguyễn Thị T5 đại diện); vợ và các con của ông Lê Hoàng S1 gồm: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3.

Do không thể chia hiện vật cho ông N4 trong phần diện tích đất 14.774,4m², nên các đương sự thống nhất: Các đồng thừa kế khác hưởng chung phần diện tích 14.774,4m² và chia cho ông N4 bằng giá trị quyền sử dụng đất. Phần diện tích 14.774,4m² theo định giá là 1.700.000.000 đồng/ha, thành tiền là 2.511.648.000 đồng: 09 phần = 279.072.000 đồng/01 kỷ phần. Như vậy ông N4 được nhận giá trị kỷ phần là 279.072.000 đồng do các đồng thừa kế khác giao lại.

- Chia thừa kế đối với số tiền Nhà nước đền bù là 1.468.362.000 đồng (hiện ông N4 đang quản lý), thành 09 phần bằng nhau, mỗi kỷ phần trị giá 163.151.333 đồng, (làm tròn số 163.151.000 đồng). Do ông N4 đang quản lý số tiền 1.468.362.000 đồng, nên ông N4 có trách nhiệm giao lại cho các đồng thừa kế là 08 phần, tổng cộng là

1.305.208.000 đồng. Các đồng thừa kế có trách nhiệm giao cho ông N4 số tiền 279.072.000 đồng; nên khấu trừ (1.305.208.000 đồng - 279.072.000 đồng); ông N4 có trách nhiệm giao cho các đồng thừa kế 1.026.136.000 đồng, chia cho 08 kỳ phần, mỗi kỳ phần là 128.267.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận này không trái luật và đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

[1.1] Chia di sản thừa kế đối với phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 18.468m², thuộc các thửa 410, 411, 429, 459, 460, 465, 466, 469, 470, 471, 472, 473, 475, 584, 585, 586, 588, 589, 590, 591, 592, 593, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299), tọa lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh, cho các đồng thừa kế của cụ P1, bao gồm: Bà Lê Thị N1; ông Lê Văn C; ông Lê Hoàng S1, chết năm 2020 (có vợ và 04 người con: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3); bà Lê Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; ông Lê Văn N4; ông Lê Văn N5, chết năm 2009 (có vợ là Nguyễn Thị T5 và 03 người con là: Chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, cháu Lê Ngọc N2) và bà Lê Thị N3. Cụ thể như sau:

[1.1.1] Chia cho ông Lê Văn N4 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 3.693,6m² thuộc các thửa 411, 429, 460, 465 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Có sơ đồ kèm theo và tứ cận:

Hướng Đông giáp kênh Tây sông Vàm Cỏ Đông dài 118.70 m;

Hướng Tây tiếp giáp thửa 18, TĐĐ 47 dài 115.99 m;

Hướng Nam giáp đất chia cho ông V và các đồng thừa kế dài 38.74 m;

Hướng Bắc giáp đất ông C, bà N1, bà N3 dài 24.88m

[1.1.2] Chia cho bà Lê Thị N1; bà Lê Thị N3; ông Lê Văn C; bà Lê Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; vợ và các con của ông Lê Hoàng S1 gồm: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3; các con của ông Lê Văn N5 (chết năm 2009), gồm: chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (dưới 18 tuổi do mẹ ruột bà Nguyễn Thị T5 đại diện) được quyền quản lý, sử dụng chung phần đất có diện tích 14.774,4m², gồm các thửa 410, 459, 466, 469, 470, 471, 472, 473, 475, 584, 585, 586, 588, 589, 590, 591, 592, 593, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh

[1.1.3] Ông Lê Văn N4 được nhận giá trị kỷ phần (trong diện tích đất 14.774,4m²) là 279.072.000 đồng do các đồng thừa kế khác giao lại.

[1.1.4] Bà Lê Thị N1; bà Lê Thị N3; ông Lê Văn C; bà Lê Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; vợ và các con của ông Lê Hoàng S1 gồm: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3; các con của ông Lê Văn N5 (chết năm 2009), gồm: chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (dưới 18 tuổi do mẹ ruột bà Nguyễn Thị T5 đại diện) có trách nhiệm giao cho ông Lê Văn N4 giá trị kỷ phần (trong diện tích đất 14.774,4m²) là 279.072.000 đồng.

[1.2] Chia thừa kế đối với số tiền Nhà nước đền bù là 1.468.362.000 đồng (hiện ông N4 đang quản lý), thành 09 phần bằng nhau, mỗi kỷ phần trị giá 163.151.333 đồng, (làm tròn số 163.151.000 đồng). Do ông N4 đang quản lý số tiền 1.468.362.000 đồng, nên ông N4 có trách nhiệm giao lại cho các đồng thừa kế là 08 phần, tổng cộng là 1.305.208.000 đồng.

[1.3] Về phần thanh toán giá trị sau khi khấu trừ:

- ông N4 có trách nhiệm giao lại cho các đồng thừa kế là 08 phần, tổng cộng là 1.305.208.000 đồng;

- Các đồng thừa kế có trách nhiệm giao cho ông N4 số tiền 279.072.000 đồng.

Do đó khấu trừ (1.305.208.000 đồng - 279.072.000 đồng = 1.026.136.000 đồng).

ông N4 có trách nhiệm giao cho các đồng thừa kế bao gồm bà Lê Thị N1; ông Lê Văn C; bà Lê Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; bà Lê Thị N3; vợ và các con của ông Lê Hoàng S1 gồm: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3; các con của ông Lê Văn N5 (chết năm

2009), gồm: chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (dưới 18 tuổi do mẹ ruột bà Nguyễn Thị T5 đại diện) với tổng số tiền là 1.026.136.000 đồng, chia cho 08 kỳ phần, mỗi kỳ phần số tiền là 128.267.000 đồng.

[2] Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận ông Lê Văn V tự nguyện chịu chi phí đo đạc, định giá là 5.460.000 đồng và chi phí giám định là 3.000.000 đồng. Ông V đã nộp và thanh toán xong.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà N1, ông C, bà T4, bà T5 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Ông V, ông B, ông N4, bà N3, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3; các con của ông Lê Văn N5, gồm: chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (do mẹ ruột bà Nguyễn Thị T5 đại diện) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản mỗi người được hưởng theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể:

+ Ông Lê Văn V phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia trị giá: 407.339.000 đồng = [20.000.000 đồng + (7.339.000 đồng x 4%= 293.560 đồng)] = 20.293.560 đồng, làm tròn số 20.294.000 đồng.

+ Ông Lê Văn B phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia trị giá: 407.339.000 đồng = [20.000.000 đồng + (7.339.000 đồng x 4%= 293.560 đồng)] = 20.293.560 đồng, làm tròn số 20.294.000 đồng.

+ Ông Lê Văn N4 phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia trị giá: 1.070.135.000 đồng = [36.000.000 đồng + (270.135.000 đồng x 3%= 8.104.000 đồng)] = 44.104.000 đồng.

+ Bà Lê Thị N3 phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia trị giá: 407.339.000 đồng = [20.000.000 đồng + (7.339.000 đồng x 4%= 293.560 đồng)] = 20.293.560 đồng, làm tròn số 20.294.000 đồng.

+ Anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3 phải chịu án phí đối với phần tài sản mỗi người được chia trị giá: 81.467.800 đồng x 5% = 4.073.390 đồng, làm tròn số 4.073.000 đồng.

+ Chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (do mẹ ruột bà Nguyễn Thị T5 đại diện) phải chịu án phí đối với phần tài sản mỗi người được chia trị giá: $135.779.667 \text{ đồng} \times 5\% = 6.788.983 \text{ đồng}$, làm tròn 6.789.000 đồng.

[3] Án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn N4 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm;

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 148/2022/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể như sau:

2.1 Chia di sản thừa kế đối với phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 18.468m^2 , thuộc các thửa 410, 411, 429, 459, 460, 465, 466, 469, 470, 471, 472, 473, 475, 584, 585, 586, 588, 589, 590, 591, 592, 593, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299), tọa lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh, cho các đồng thừa kế của cụ P1, bao gồm: Bà Lê Thị N1; ông Lê Văn C; ông Lê Hoàng S1, chết năm 2020 (có vợ và 04 người con: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3); bà Lê Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; ông Lê Văn N4; ông Lê Văn N5, chết năm 2009 (có vợ là Nguyễn Thị T5 và 03 người con là: Chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, cháu Lê Ngọc N2) và bà Lê Thị N3. Cụ thể như sau:

- Chia cho ông Lê Văn N4 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $3.693,6\text{m}^2$ thuộc các thửa 411, 429, 460, 465 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Có sơ đồ kèm theo và tứ cận:

Hướng Đông giáp kênh Tây sông Vàm Cỏ Đông dài 118.70 m;

Hướng Tây tiếp giáp thửa 18, BD 47 dài 115.99 m;

Hướng Nam giáp đất chia cho ông V và các đồng thừa kế dài 38.74 m;

Hướng Bắc giáp đất ông C, bà N1, bà N3 dài 24.88m

- Chia cho bà Lê Thị N1; bà Lê Thị N3; ông Lê Văn C; bà Lê Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; vợ và các con của ông Lê Hoàng S1 gồm: bà Lê Kim T,

anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3; các con của ông Lê Văn N5, gồm: chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (do bà Nguyễn Thị T5 đại diện) được quyền quản lý, sử dụng chung phần đất có diện tích 14.774,4m², gồm các thửa 410, 459, 466, 469, 470, 471, 472, 473, 475, 584, 585, 586, 588, 589, 590, 591, 592, 593, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp TD, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Có sơ đồ kèm theo và tứ cận:

Hướng Đông giáp kênh Tây sông Vàm Cỏ Đông và thửa 81, có các đoạn dài 36.57m; 3.47m; 14.64m; 44.03m; 23.41m; 24.48m; 7.41m; 5.19m; 21.56m;

Hướng Tây tiếp giáp các thửa 34,112, BĐ 47 có độ dài các đoạn 17.00m; 45.23m; 11.34m; 60.39m; 49.88m; 26.08m; 43.76m;

Hướng Nam tiếp giáp thửa 48, BĐ 47 có độ dài các đoạn 110.71m; 47.67m;

Hướng Bắc giáp đất ông Lê Văn N4 dài 38.74m

Căn cứ vào quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đăng ký thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ông Lê Văn N4 được nhận giá trị kỷ phần (trong diện tích đất 14.774,4m²) là 279.072.000 đồng do các đồng thừa kế khác giao lại.

- Bà Lê Thị N1; bà Lê Thị N3; ông Lê Văn C; bà Lê Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; vợ và các con của ông Lê Hoàng S1 gồm: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3; các con của ông Lê Văn N5, gồm: chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (do bà Nguyễn Thị T5 đại diện) có trách nhiệm giao cho ông Lê Văn N4 giá trị kỷ phần (trong diện tích đất 14.774,4m²) là 279.072.000 đồng.

2.2 Chia thừa kế đối với số tiền Nhà nước đền bù là 1.468.362.000 đồng (hiện ông N4 đang quản lý), thành 09 phần bằng nhau, mỗi kỷ phần trị giá 163.151.333 đồng, (làm tròn số 163.151.000 đồng). Do ông N4 đang quản lý số tiền 1.468.362.000 đồng, nên ông N4 có trách nhiệm giao lại cho các đồng thừa kế là 08 phần, bao gồm Bà Lê Thị N1; bà Lê Thị N3; ông Lê Văn C; bà Lê Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; vợ và các con của ông Lê Hoàng S1 gồm: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3; các con của ông Lê Văn N5, gồm: chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (do bà Nguyễn Thị T5 đại diện) tổng cộng là 1.305.208.000 đồng.

2.3 Về phân thanh toán giá trị sau khi khấu trừ:

Ông N4 có trách nhiệm giao lại cho các đồng thừa kế là 08 phần, tổng cộng là 1.305.208.000 đồng; các đồng thừa kế có trách nhiệm giao cho ông N4 số tiền 279.072.000 đồng.

Nên khấu trừ (1.305.208.000 đồng - 279.072.000 đồng = 1.026.136.000 đồng). Ông N4 có trách nhiệm giao cho các đồng thừa kế bao gồm: bà Lê Thị N1; ông Lê Văn C; bà Lê Thị T4; ông Lê Văn V; ông Lê Văn B; bà Lê Thị N3; vợ và các con của ông Lê Hoàng S1 gồm: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3; các con của ông Lê Văn N5, gồm: chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (do bà Nguyễn Thị T5 đại diện) với tổng số tiền là 1.026.136.000 đồng; cụ thể:

+ Ông Lê Văn N4 có trách nhiệm giao cho bà Lê Thị N1; ông Lê Văn C; bà Lê Thị T4; Lê Văn V; Lê Văn B; bà Lê Thị N3; mỗi người số tiền 128.267.000 (Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng;

+ Ông Lê Văn N4 có trách nhiệm giao cho vợ và các con của ông Lê Hoàng S1 gồm: bà Lê Kim T, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3 số tiền mỗi kỷ phần số tiền là 128.267.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng;

+ Ông Lê Văn N4 có trách nhiệm giao cho các con của ông Lê Văn N5, gồm: chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (do bà Nguyễn Thị T5 đại diện) số tiền là 128.267.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền như đã nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận ông Lê Văn V tự nguyện chịu chi phí đo đạc, định giá là 5.460.000 đồng và chi phí giám định là 3.000.000 đồng. Ông V đã nộp và thanh toán xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà N1, ông C, bà T4, bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Ông Lê Văn V phải chịu nộp 20.294.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp 6.889.000 đồng theo Biên lai thu số

0016774 ngày 12-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Ông V còn phải nộp thêm số tiền 13.405.000 (Mười ba triệu bốn trăm lẻ năm nghìn) đồng.

- Ông Lê Văn B, bà Lê Thị N3 mỗi người phải chịu nộp 20.294.000 (Hai mươi triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Văn N4 phải chịu nộp 44.104.000 (Bốn mươi bốn triệu một trăm lẻ bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Ngọc T2, anh Lê Hoàng P, chị Lê Thị Ngọc T3, mỗi người phải chịu nộp 4.073.000 (Bốn triệu không trăm ba mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Q, chị Lê Ngọc N2 (do mẹ ruột bà Nguyễn Thị T5 đại diện), mỗi người phải chịu nộp 6.789.000 (Sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn N4 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm; khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông N4 đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0018092, ngày 26-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Ông N4 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện CT;
- CCTHADS huyện CT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Sang